TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **19**/2025/KDTM-ST
Ngày: 31/7/2025
V/v "Tranh chấp về hợp đồng Xây dựng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Vân Hương.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Bà **Nguyễn Thị Nguyên**

2. Bà **Phan Thị Dòn**

Thư ký phiên tòa: Bà **Đặng Thị Thuý** – là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu Vực 10 tham gia phiên tòa: Bà **Phan Mỹ Dung**– Kiểm Sát Viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2025 và ngày 31 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 37/2023/TLST–KDTM ngày 03 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp "*Tranh chấp về Hợp đồng xây dựng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 515/2025/QĐXXST– KDTM ngày 03 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2025/QĐST-KDTM ngày 03 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Công ty C**

Địa chỉ: Khu A, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Trung D– Chức vụ Tổng giám đốc; Đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị L– Địa chỉ: phường A, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

(Giấy ủy quyền số 01/2025/F-UQCT ngày 23/5/2025).

2. Bị đơn: **Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ c**

Địa chỉ: Quốc lộ N, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; Đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị Vân – Chức danh: Giám đốc; Địa chỉ: Quốc lộ N, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền là Bà Đặng Thụy V, sinh năm 1996 hoặc ông Nguyễn Hoàng Ph, sinh năm 1997.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông **Phạm Thanh T**, sinh năm 1977; Địa chỉ: Quốc lộ N, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. **Công ty trách nhiệm hữu hạn Kh**; Địa chỉ: đường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ công trình: H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

(Bà Nguyễn Thị Linh Ph có mặt tại phiên toà;

Ông Nguyễn Hoàng Ph, ông Phạm Thanh T có mặt ngày 24/7/2025, vắng mặt ngày 31/7/2025 không có lý do chính đáng

Công ty TNHH Khcó đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, đơn sửa đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện và trong quá trình xét xử, Nguyên đơn có đại diện theo ủy quyền là ông Mai Xuân Ph trình bày:

Ngày 25 tháng 11 năm 2021, F và Ng đã ký thỏa thuận hợp đồng số 406/2021 theo đó, FIDSG giao và Ng nhận thực hiện công việc Cung cấp và lắp đặt Màn ngăn chống cháy EI70 cho dự án Nhà Máy Khánh Phong Plasties tại địa chỉ Lô R13-14-15, đường số 09, KCN Hải Sơn, xã Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (sau đây gọi là "Dự án"). Tổng giá trị hợp đồng là 790,753,480 đồng (chưa bao gồm thuế GTGT) Thời gian thực hiện hợp đồng là 45 ngày kể từ ngày hợp đồng được ký kết bao gồm ngày nghỉ, ngày lễ: Ngày bắt đầu: 25/11/2021 Ngày hoàn thành: 5/1/2022 Sau khi ký hợp đồng, ngày 16/12/2021, F đã tạm ứng cho Ng số tiền là 237,226,044 đồng; và ngày 27/1/2022, F đã thực hiện thanh toán tạm khối lượng đợt 1 (sau khi chuyển hàng đến công trường Dự án) số tiền là: 284,671,233 đồng. Tổng cộng số tiền F đã thanh toán cho Ng là 521,897,297 đồng Trong giai đoạn thực hiện hợp đồng, Ng vận chuyển hàng đến công trường bao gồm các màn ngăn cháy, tuy nhiên sản phẩm thiếu các hồ sơ chứng nhận xuất xứ, chứng nhận chất lượng và hồ sơ kiểm định EI70 đã vi phạm Điều 3. (Yêu cầu về kỹ thuật, Chất lượng và Nghiệm thu bàn giao), khoản 3.3 và Điều 10. (Quyền và nghĩa vụ của Bên B), khoản 10.7 của Hợp đồng, dẫn đến

không được nghiệm thu vật liệu đầu vào và không thể tiến hành thi công lắp sung đặt màn chống cháy cho dự án. F đã nhiều lần gửi thông bảo yêu cầu Ng bổ sung hồ sơ và thi công lắp đặt màn ngăn cháy qua các công văn số 622/2022/CV-KPP ngày 27/8/2022, công văn số 252/2022/CV-KPP ngày 26/9/2022, công văn số 655/2022/CV-KPP ngày 28/9/2022 và công văn số 703/2022/CV-KPP ngày 10/10/2022. Tuy nhiên, Ng đã không có bất kỳ động thái và phân hồi nào để thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký kết. Đến ngày 28/10/2022 F đã gửi công văn số 717/2022/CV-KPP yêu cầu Ng hoàn trả lại số tiền đã tạm ứng và tạm thanh toán. Tuy nhiên, đến nay Ng vẫn tiếp tục giữ im lặng và không có bất kỳ phản hồi nào dẫn F.

Đối với số hàng màn ngăn cháy mà Ng đã chuyển đến công trường, vì không được nghiệm thu nên sau đó vào khoảng ngày 8 đến ngày 15 tháng 1 năm 2023, Ng đã di dời toàn bộ số hàng hóa này rời khỏi công trường. Căn cứ theo Hợp đồng. Điều 10 (Quyền và nghĩa vụ của Bên B), khoản 10.6 quy định: "Bên B có trách nhiệm bảo quan toàn bộ vật tự hàng hóa sản phẩm của mình từ lúc chuyển hàng đến công trường cho đến lúc lắp đặt xong và được nghiệm thu bàn giao cho Bên A và Chủ đầu tư công trình", đối với số hàng hóa không đạt chất lượng như đã nêu ở trên, trách nhiệm di chuyển và bảo quản hoàn toàn bởi Ng và F không có trách nhiệm pháp lý đối với số hàng hóa này,

F đã khởi kiện Ng vì lý do nhận tiền tạm ứng mà không hoàn thành bất kỳ nghĩa vụ nào của Hợp đồng ký kết, yêu cầu Ng hoàn trả lại số tiền 521,897,297 đồng

Tại biên bản hòa giải ngày 27/5/2025, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Linh Ph trình bày: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, Công ty Cổ phần F yêu cầu:

1. Chấm dứt Hợp đồng số 406/2021/KPP/HDTP/NH giữa Công ty Cổ phần F và Công ty TNHH TM DV Cơ điện và PCCC Ng do lỗi vi phạm hợp đồng của Công ty Ng.

2. Buộc Công ty Ng phải hoàn trả số tiền đã nhận là 521.897.297 đồng

3. Buộc Công ty Ng thanh toán bổ sung thiệt hại về tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền tính từ ngày 31/10/2022 cho đến ngày thực hiện nghĩa vụ trả tiền, tạm tính đến ngày 24/5/2023 là: 43.539.103 đồng.

4. Tổng số tiền yêu cầu Ng trả theo đơn khởi kiện ngày 15/3/2023 và đơn khởi kiện bổ sung là: 521.897.297 đồng + 43.539.103 đồng = 565.436.400 đồng.

5. Rút lại yêu cầu Công ty Ng chịu phạt 12% giá trị hợp đồng là 94.890.418 đồng.

Tại phiên toà ngày 24/7/2025 nguyên đơn yêu cầu:

1. Chấm dứt Hợp đồng số 406/2021/KPP/HDTP/NH giữa Công ty Cổ phần F và Công ty TNHH TM DV Cơ điện và PCCC Ng do lỗi vi phạm hợp đồng của Công ty Ng.

2. Buộc Công ty Ng phải hoàn trả số tiền đã nhận là 521.897.297 đồng

3. Buộc Công ty Ng thanh toán bổ sung thiệt hại về tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền tính từ ngày 31/10/2022 cho đến ngày thực hiện nghĩa vụ trả tiền, tạm tính đến ngày 24/5/2023 là: 43.539.103 đồng.

4. Tổng số tiền yêu cầu Ng trả theo đơn khởi kiện ngày 15/3/2023 và đơn khởi kiện bổ sung là: 521.897.297 đồng + 43.539.103 đồng = 565.436.400 đồng.

5. Rút lại yêu cầu Công ty Ng chịu phạt 12% giá trị hợp đồng là 94.890.418 đồng.

Tại phiên toà ngày 31/7/2025 nguyên đơn yêu cầu yêu cầu hoàn trả lại tiền gốc là 521.897.297 đồng và đồng ý rút lại yêu cầu tính lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền

Bị đơn là Công ty TNHH TM DV Cơ điện và PCCC Ng có đơn yêu cầu phản tố, đại diện theo pháp luật là bà Lê Thị Vân trình bày:

Ngày 25 tháng 11 năm 2021. Công ty chúng tôi có nhận hợp đồng thi công hệ thống Màn ngăn chống cháy lan tại dự án Nhà Máy Khánh Phong, của Tổng thầu Công Ty Cổ Phần Dinco Sài Gòn. Theo thỏa thuận của hợp đồng ngay sau khi ký hợp đồng 07 ngày. Tổng thầu Dinco tạm ứng 30% giá trị hợp đồng, (Giá trị hợp đồng sau VAT = 869.828.828), nhưng thực tế 25 ngày sau, ngày 16 tháng 12 năm 2021, Tổng thầu Dinco mới tạm cho nhà thầu chúng tôi 237,226,044 đồng. Vật tư về đến công trình ngày 12 tháng 01 năm 2021, mãi cho đến ngày 24 tháng 01 năm 2021 Tổng thầu mới ký biên bản nghiệm thu vật tư hệ thống màn ngăn cháy nhập vào công trình, Trong những ngày chờ đợt vật tư được duyệt, tại thời điểm nhập vật tư về công trình kho bãi chưa có) chúng tôi phải thuê bảo vệ công trình giữ số vật tư hàng hóa trên Hồ sơ thanh toán đợt 01, và đã xuất thuế V,A.T kèm biên bản nghiệm thu hàng hóa, phiếu xuất kho,giá trị V,A,T Là 724,628,828 đồng. Ngày 27 tháng 01 năm 2021, Tổng thầu thanh toán cho chúng tôi với số tiền là 284.671.253 đồng (Tổng thầu Dinco còn nợ chúng tôi với số tiền là 202,731,531 đồng. Và tiền vật tư nhân công chống sét gần 10.000.000 đồng. Công ty chúng tôi đã triển khai lắp đặt hệ màn ngăn cháy.

Công ty chúng tôi nhận gói thầu thi công lắp đặt và cung cấp vật tư phụ hệ thống chữa cháy, hệ thống báo cháy, hệ thống chống sét, và hệ thống màn chống cháy lan.

Thời gian khởi công hệ thống pccc, Công ty chúng tôi bắt đầu triển khai từ ngày 05/05/2021, trong quá trình thi công, Tổng thầu chậm thanh toán tiền, không chỉ riêng Công ty chúng tôi mà tất cả các nhà cung cấp vật tư, nhà thầu phụ cũng như tổ đội tham gia làm dự án này đều bị chậm thanh toán tiền.

Việc thanh toán tiền cho Công Ty chúng tôi càng lúc càng chậm, Công Ty chúng tôi gồng gánh không nổi buộc phải tạm dừng thi công, để chờ Tổng thầu thanh toán tiền thay vì thanh toán tiền cho Công Ty chúng tôi nhưng Tổng Thầu Dinco tự ý kêu đội thi công ở ngoài vào làm. Công ty chúng tôi làm căng lên Tổng thầu Dinco mới chịu thanh toán và tự ý thanh lý hợp đồng.

Ngày 20 tháng 01 năm 2023 đến ngày 28 tháng 01 năm 2023 (nhằm ngày 26 Tết AL) Công ty chúng tôi có đến văn phòng của Tổng thầu Dinco số 27 Ngô Đức Kế, Phường Bến Nghé, Quận 1, để làm việc về hợp đồng cung cấp và lắp đặt hệ thống màn ngăn cháy. Nhưng khi đến số 27 Ngô Đức Kế phường Bến Nghé. Quận 1 văn phòng Tổng thầu Dinco đóng cửa, không liên lạc được, chúng tôi có thăm dò hỏi thăm thì được biết Tổng Dinco đóng cửa văn phòng dọn đi nơi khác và không thông báo cho các nhà thầu phụ. Chúng tôi nhận được thông tin Tổng thầu Dinco bị chủ đầu tư cắt hợp đồng.

Ngày 24 tháng 01 năm 2023, Công Ty chúng tôi đến công trình gom vật tư thiết bị dụng cụ thì công để mang về, nhưng khi đến công trình chúng tôi mới phát hiện cửa khóa kho bị đập phá chúng tôi báo cáo liền cho tư vấn ấn giám sát đồng thời thông báo cho nhân viên Tổng thầu Dinco.

Chúng tôi có làm công văn giải trình lên chủ đầu tư về việc bị cắt và thanh lý hợp đồng, và cũng cầu mong chủ đầu tư thương hỗ trợ chi phí hệ màn ngăn cháy lan, cũng như phân khối lượng thì công hệ thống phòng cháy chữa cháy mà Tổng thầu Dinco cắt để Công ty chúng tôi còn có chi phí thanh toán lương cho công nhân.

Cho đến nay được sự tín nhiệm của chủ đầu tư, Công ty chúng tôi được tham gia môi thầu gói thầu cung cấp và lắp đặt hoàn thiện hệ thống phòng cháy chữa cháy, hệ thống màn ngăn cháy. Công ty chúng tôi đã trúng thầu và đã khởi công, làm hồ sơ nghiệm thu công trình vào ngày 05 tháng 07 năm 2023.

Công ty có yêu cầu phản tố là

1. Tuyên hủy Hợp đồng thầu phụ số 406/2021/KPP/HDTP/NH giữa Công ty TNHH TM DV Cơ điện và PCCC Ng và Công ty C ngày 25/11/2021; Công ty Ng không yêu cầu giải quyết hậu quả pháp lý
2. Buộc công ty Cổ phần F (tên cũ công ty Dinco Saigon) thanh toán chi phí thuê Luật sư (theo thoả thuận tại hợp đồng thầu phụ số 406/2021/KPP/HDTP/NH đã ký giữa 2 bên) cho chúng tôi với số tiền là: 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng).
3. Rút lại yêu cầu Công ty C thanh toán cho Công ty TNHH TM DV Cơ điện và PCCC Ng số tiền còn lại là 202.731.531 đồng theo hóa đơn giá trị gia tăng đề ngày 21/01/2022 và Hợp đồng thầu phụ 406/2021/KPP/HDTP/NH giữa hai bên.

Tại phiên toà ngày 24/7/2025 đại diện theo uỷ quyền của bị đơn là ông Nguyễn Hoàng Ph rút lại toàn bộ yêu cầu phản tố, cụ thể:

1. Rút yêu cầu Cổ phần F (tên cũ công ty Dinco Saigon) thanh toán hoá đơn giá trị gia tăng
2. Rút công ty Cổ phần F (tên cũ công ty Dinco Saigon) thanh toán chi phí thuê Luật sư (theo thoả thuận tại hợp đồng thầu phụ số 406/2021/KPP/HDTP/NH đã ký giữa 2 bên) cho chúng tôi với số tiền là: 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng).

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH Kh có văn bản trình bày:

Công ty TNHH Khánh Phong Plastic đã chấm dứt hợp tác với các đương sự từ trước đó, vì vậy việc giải quyết tranh chấp giữa Công ty cổ phần F và Công ty TNHH TMDV cơ điện và phòng cháy chữa cháy Ng không còn liên quan và ảnh hưởng gì đến quyền và nghĩa vụ của Công ty TNHH Khánh Phong Plastic. Do đó bằng văn bản này Công ty TNHH Khánh Phong Plastic yêu cầu vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc và xét xử tại toà.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Thanh T trình bày

Tôi là nhân viên của Công ty TNHH TMDV cơ điện và phòng cháy chữa cháy Ng, quá trình trao đổi công việc và thực hiện hợp đồng là do tôi trực tiếp chỉ đạo thực hiện. Tôi thống nhất với trình bày và yêu cầu của Công ty TNHH TMDV cơ điện và phòng cháy chữa cháy Ng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Các đương sự đã chấp hành qui định pháp luật và Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành tố tụng đúng theo qui định tại Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và phần trình bày của các đương sự tại phiên tòa thì yêu cầu của nguyên đơn Công ty Cổ phần F là có cơ sở. Do đó Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10- Thành phố Hồ Chí Minh tạm ngừng phiên toà để tiến hành giám định lại số lượng chất lượng công trình mà Công ty TNHH TM DV Cơ điện và PCCC Ng đã thi công cho Công ty Cổ phần F

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết Tòa án*:

[2.1] Nguyên đơn Công ty Cổ phần F khởi kiện, yêu cầu bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ cthanh toán số tiền là 521,897,297 đồng (Năm trăm hai mươi mốt triệu tám trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm chín mươi bảy đồng) và tiền lãi do chậm thanh toán nghĩa vụ, đây là vụ án kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện được qui định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2.2] Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ ccó nơi đăng ký kinh doanh tại huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, giải quyết vụ kiện là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40 BLTTDS năm 2015.

[2.3] Các bên đương sự tranh chấp Hợp đồng xây dựng, căn cứ theo quy định khoản 1 Điều 30 BLTTDS năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh

[3] Về tố tụng: Người có quyền và nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH Khcó đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Người đại diện hợp pháp công ty Ng là ông Nguyễn Hoàng Ph, ông Phạm Thanh T có mặt ngày 24/7/2025, vắng mặt ngày 31/7/2025, Công ty Ng và ông Phạm Thanh T vắng mặt không có chính đáng mặc dù đã được Hội đồng xét xử thông báo tại phiên toà nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử

vắng mặt Công ty TNHH Khánh Phong Plastics, ông Nguyễn Hoàng Ph, Phạm Thanh T.

[4] *Về yêu cầu của đương sự*:

Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nhận định như sau:

[4.1] Tại phiên toà ngày hôm nay các đương sự đều thống nhất xác định đối tượng tranh chấp của vụ án là hợp đồng thầu phụ số 406/2021/KPP/HDTP/NH ký kết ngày 25 tháng 11 năm 2021 giữa Công ty Cổ phần F yêu cầu Công ty TNHH TM DV Cơ điện và PCCC Ng.

Các Hợp đồng khác ký kết giữa Công ty Cổ phần F và Công ty TNHH Khánh Phong Plastic, Công ty TNHH TM DV Cơ điện và PCCC Ng và Công ty cổ phần ALC các bên đương sự không tranh chấp, do đó Hội đồng xét xử không đưa Công ty cổ phần ALC vào tham gia tố tụng, nếu có phát sinh tranh chấp thì nộp đơn khởi kiện ở vụ án khác.

[4.2] Tại phiên toà ngày hôm nay phía nguyên đơn rút lại yêu cầu Công ty Ng chịu phạt 12% giá trị hợp đồng là 94.890.418 đồng và rút lại yêu cầu tính lại do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên Hội đồng xét xử ghi nhận

[4.3] Phía bị đơn là Công ty TNHH TM DV Cơ điện và PCCC Ng rút toàn bộ yêu cầu phản tố nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4.4] Ngày 25 tháng 11 năm 2021, Công ty F và Công ty Ng đã ký thỏa thuận hợp đồng thầu phụ số 406/2021/KPP/HDTP/NH theo đó, Công ty F giao và Công ty Ng nhận thực hiện công việc cung cấp và lắp đặt màn ngăn chống cháy EI70 cho dự án Nhà Máy Khánh Phong Plasties tại địa chỉ Lô R13-14-15, đường số 09, KCN Hải Sơn, xã Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Tổng giá trị hợp đồng là 790,753,480 đồng (chưa bao gồm thuế GTGT). Thời gian thực hiện hợp đồng là 45 ngày kể từ ngày hợp đồng được ký kết bao gồm ngày nghỉ, ngày lễ. Ngày bắt đầu: 25/11/2021. Ngày hoàn thành: 5/1/2022

Sau khi ký hợp đồng, ngày 16/12/2021, Công ty F đã tạm ứng cho Công ty Ng số tiền là 237,226,044 đồng; ngày 27/1/2022, Công ty F đã thực hiện thanh toán tạm khối lượng đợt với số tiền là: 284,671,233 đồng. Tổng cộng số tiền Công ty F đã thanh toán cho Công ty Ng là 521,897,297 đồng.

Sau đó các bên phát sinh tranh chấp nên Công ty F nộp đơn khởi kiện tại toà và được thụ lý vụ án vào ngày 03/4/2023

Ngày 11/7/2023 Công ty Ng ký Hợp đồng thoả thuận với Công ty cổ phần xây

dựng ALC với nội dung là gói thầu thi công hoàn thiện và nghiệm thu hệ thống phòng cháy chữa cháy (giai đoạn chuyển tiếp), Hợp đồng này được Công ty Ng thừa nhận là thi công giai đoạn chuyển tiếp từ Hợp đồng 406/2021/KPP/HDTP/NH. Giá trị của Hợp đồng là 3.632.391.478 đồng bao gồm: thi công hoàn thành các hạng mục nhà văn phòng, nhà ăn, nhà bảo vệ số 01 và 03, tổng thể và kết nối toàn bộ hệ thông liên quan đến phòng cháy chữa cháy của dự án. *Hoàn thành hồ sơ và tập hợp hồ sơ của nhà thầu trước đó để thực hiện thủ tục nghiệm thu hệ thống phòng cháy chữa cháy với cơ quan chức năng* (Chương 1 Chỉ dẫn nhà thầu).

Ngày 14/8/2024 Toà án nhân dân huyện Bình Chánh tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ nhà xưởng thi công thì biết được 07 màn ngăn chống cháy và hệ thống phòng cháy chữa cháy đã thi công hoàn thiện và đưa vào sử dụng.

Tại phiên toà Công ty cổ phần F trình bày nguyên nhân dẫn đến phát sinh tranh chấp là Cty Ng không thực hiện đúng tiến độ và nghĩa vụ trong hợp đồng (các hồ sơ kèm theo khi thi công màn lưới chống cháy) nên yêu cầu hoàn lại số tiền đã nhận. Phía Công ty Ng trình bày nguyên nhân chậm thực hiện tiến độ là do Công ty Khánh Phong hạn chế ra vào xưởng sản xuất.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình hoà giải tại toà, các đương sự đều thừa nhận việc ký kết hợp đồng và số tiền giao nhận là 521,897,297 đồng (Năm trăm hai mươi mốt triệu tám trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm chín mươi bảy đồng) nhưng không thống nhất được phương án giải quyết. Phía công ty F yêu cầu nhận số tiền trên và bồi thường là tiền lãi do chậm nghĩa vụ, phía Công ty Ng không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn

Tại phiên toà thì Công ty Ng xác định là đã thi công được 3/5 màn lưới chống cháy, tuy nhiên khi phát sinh tranh chấp thì Công ty Ng đã tháo dở và trả lại vật tư cho Công ty F tuy nhiên phía Công ty F không thừa nhận việc Công ty Ng đã thi công xong 3/5 màn lưới chống cháy cũng như việc giao trả vật tư đã thi công.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn cho rằng bị đơn chậm thực hiện thi công nên dẫn đến phía Công ty F yêu cầu đình chỉ thực hiện hợp đồng và lỗi hoàn toàn là của Công ty Ng là chưa thoả đáng, cụ thể

[6.1] Nguyên nhân dẫn đến phía bị đơn chậm thi công là do bị đơn không vào công trình để thực hiện, phía nguyên đơn khi ký kết hợp đồng với nhà thầu phụ là bị đơn đã không thông báo cho phía Công ty Khánh Phong để bị đơn tiến hành thi công. Căn cứ theo Điều 9.2 của Hợp đồng 406/2021/KPP/HDTP/NH có thoả thuận là "*bên*

A có nghĩa vụ bàn giao từng phần hoặc toàn bộ mặt bằng xây dựng cho bên B ” Như vậy Công ty Ng chậm thi công theo thoả thuận là do phía nguyên đơn đã không có văn bản thông báo cho Công ty Khánh Phong về việc thi công của Công ty Ng dẫn đến Công ty Ng không tiến hành thời gian thi công như đã ký kết.

[6.2] Hội đồng xét xử đã yêu cầu nguyên đơn cung cấp chứng cứ chứng minh là đã thông báo cho Công ty Khánh Phong về Hợp đồng 406/2021/KPP/HDTP/NH nhưng Công ty F không có chứng cứ chưng minh cho việc thông báo đó.

[6.3] Đồng thời việc thanh toán tiền đợt 2 của Công ty F cho Công ty Ng là chậm do với thoả thuận đã ký trong Hợp đồng. Bên cạnh đó qua gmail chuyển từ nguyên đơn đến bị đơn vào lúc 9;29 phút ngày 05/8/2022 có ghi rõ “Triển khai thi công lắp đặt màn chống cháy khu nhà xưởng vào thứ 2 ngày 08/8/2022” (BL 216). Như vậy các bên đã thể hiện là các bên có sự trao đổi gia hạn về thời gian thực hiện hợp đồng.

[6.4] Phía bị đơn trình bày nguyên nhận thực hiện chậm tiến độ là do phía nguyên đơn yêu cầu bổ sung toàn bộ vật tư phải có giấy kiểm định các thiết bị chữa cháy trước khi nghiệm thu PCCC, trong khi đó trong Hợp đồng thoả thuận thời hạn về yêu cầu này. Ngoài ra phía nguyên đơn cũng chậm tiến độ thi công nên đến tháng 08/2022 mới thi công xong phần nhà xưởng để bị đơn vào thi công phần màn lưới chống cháy.

Như vậy việc công trình thi công bị chậm là không do lỗi của Công ty Ng

[7] Về phía bị đơn có trình bày để khắc phục khó khăn, hạn chế tổn thất do nguyên đơn bị chấm dứt thi công nhà máy Khánh Phong nên phải tự thoả thuận thương lượng với nhà thầu khác để tiếp tục thi công màn lưới chống cháy. Tuy nhiên phía bị đơn cũng không thoả thuận, không thương lượng, cũng không không chấm dứt hợp đồng với nguyên đơn mà tự ý ký kết hợp đồng với bên thứ 3 là vi phạm các nghĩa vụ đã thoả thuận hợp đồng 406/2021/KPP/HDTP/NH. Đồng thời phía bị đơn cũng dựa trên cơ sở hợp đồng của nguyên đơn để ký kết hợp đồng với người thứ 3 và sử dụng vật tư đã ký với Công ty F để thi công và nâng cao gía trị hợp đồng nhưng không đồng ý hoàn trả số tiền đã nhận là không có cơ sở chấp nhận.

[7.1] Sau khi ký kết hợp đồng chuyển tiếp thi công hoàn hoàn thiện với Công ty ALC thì phía Công ty Ng cũng không bàn giao cũng như không trả lại vật tư đã thi công trước đó cho Công ty F.

Tại Hợp đồng 406/2021/KPP/HDTP/NH, các bên có thoả thuận việc bảo quản tại Điều 10.6 "*Bên B có trách nhiệm bảo quản toàn bộ vật tư, hàng hoá sản phẩm của mình lúc chuyển giao hàng đến công trường cho đến lúc lắp đặt xong và được nghiệm thu bàn giao cho bên A và Chủ đầu tư công tư công trình. Bên A chịu trách nhiệm bảo quản sản phẩm đã được bàn giao*"

[7.2] Đồng thời tại phiên toà ngày 24/7/2025 phía bị đơn có trình bày là Hợp đồng với Công ty ALC là Hợp đồng chuyển tiếp của Hợp đồng 406 và những vật tư đã sử dụng cho việc thi công của Hợp đồng 406/2021/KPP/HDTP/NH thì Công ty Ng đã trả lại cho phía công ty F, Hội đồng xét xử đã yêu cầu Công ty Ng cung cấp chứng cứ chứng minh nhưng phía Công ty Ng cũng xác định là việc giao trả vật tư là thoả thuận miệng, phía Công ty F cũngkhông nhận lại tài sản nhưng Công ty Ng không có chứng cứ chứng minh cho việc giao trả tài sản.

[7.3] Hội đồng xét xử xét thấy Công ty Ng đã thi công chuyển tiếp từ Hợp đồng 406/2021/KPP/HDTP/NH, sử dụng lại vật tư nhưng không đồng ý trả tiền là không có cơ sở chấp nhận

[8] Từ những nhận định trên,Hội đồng xét xử xét thấy đây là lỗi của cả hai bên nguyên đơn và bị đơn khi ký kết hợp đồng, thực hiện hợp đồng và chấm dứt hợp đồng. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc hoàn trả số tiền nhận của hợp đồng là có cơ sở chấp nhận.

[9] Đối với yêu cầu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu tạm ngừng phiên toà để tiến hành giám định lại số lượng chất lượng công trình mà Công ty TNHH TM DV Cơ điện và PCCC Ng đã thi công cho Công ty Cổ phần F.

[9.1] Tại phiên toà ngày 24/7/2025 Hội đồng xét xử đã thông báo cho phía Công ty TNHH TM DV Cơ điện và PCCC Ng cung cấp chứng cứ chứng minh cho giá trị thi công, quá trình thi công và số lượng vật tư đã hoàn trả cho Công ty Cổ phần F nhưng Công ty Ng vẫn không cung cấp được chứng cứ và trình bày tại phiên toà là công ty chỉ thoả thuận miệng về việc trả vật tư và đối với hoá đơn mua những vật tư là không còn.

[9.2] Tại Biên bản ngày 14/8/2024 Toà án nhân dân huyện Bình Chánh tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ nhà xưởng thi công thì biết được 07 màn ngăn chống cháy và hệ thống phòng cháy chữa cháy giữa TNHH TM DV Cơ điện và PCCC Ng và Công ty ALC đã thi công hoàn thiện và đưa vào sử dụng, do đó không còn hiện trạng khi thi công giữa Công ty TNHH TM DV Cơ điện và PCCC Ng và Công ty Cổ

phần F để tiến hành giám định lại số lượng chất lượng công trình. Do đó việc giám định là không thể thực hiện.

Từ những lý do trên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu tạm ngừng phiên toà của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10- Thành phố Hồ Chí Minh.

[10] Về chi phí tố tụng: chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), phía nguyên đơn đã tạm ứng. Do xác định cả hai cùng có lỗi trong việc thực hiện hợp đồng nên phía bị đơn có trách nhiệm hoàn trả ½ giá trị cho nguyên đơn. Cụ thể bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

[11] Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận của bị đơn Công ty TNHH TM DV Cơ điện và PCCC Ngọc phải chịu án phí đối với phần chấm dứt hợp đồng là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) là và yêu cầu trả tiền cụ thể là 24.875.892. đồng nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí cho Công ty TNHH TM DV Cơ điện và PCCC Ng đã nộp là 3.020.486 đồng (Ba triệu không trăm hai mươi nghìn bốn trăm tám mươi sáu đồng) theo biên lai thu số 005737 ngày 18/7/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Chánh.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 227, Điều 228, Điều 233, Điều 244, Điều 259, Điều 264, Điều 267 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 294,302,303,304,306,310,311,319 Luật Thương mại được sửa đổi, bổ sung 2019

Căn cứ Điều 306 Luật thương mại sửa đổi bổ sung 2017,2019

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ thực hiện Hợp đồng số 406/2021/KPP/HDTP/NH ngày 25/11/2021 giữa Công ty Cổ phần F và Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ Cơ điện và phòng cháy chữa cháy Ng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần F đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ c

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ cthanh toán cho Công ty Cổ phần F số tiền là 521,897,297 đồng (Năm trăm hai mươi mốt triệu tám trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm chín mươi bảy đồng).

Các bên thực hiện nghĩa vụ tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357,Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Đình chỉ yêu cầu tính lãi do chậm thực hiện hợp đồng của Công ty cổ phần F đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ Cơ điện và phòng cháy chữa cháy Ng

4. Đình chỉ yêu cầu hoàn trả chi phí luật sư, thuế VAT của Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ cđối với Công ty cổ phần F

5. Đình chỉ yêu cầu Công ty cổ phần F đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ cvề việc yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ cchịu phạt 12% giá trị hợp đồng là 94.890.418 đồng.

6. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ cphải hoàn trả cho Công ty Cổ phần F là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng)

7. Về án phí dân sự sơ thẩm:

7.1 Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ cphải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 3.000.000 đồng và 24.875.892 đồng (Hai mươi bốn triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn tám trăm chín mươi hai đồng). Tổng cộng 27.875.892 đồng (Hai mươi bảy triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn tám trăm chín mươi hai đồng) khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là đã nộp là 3.020.486 đồng (Ba triệu không trăm hai mươi nghìn bốn trăm tám mươi sáu đồng) theo biên lai

thu số 005737 ngày 18/7/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Chánh. Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ cnộp bổ sung 24.855.406 đồng (Hai mươi bốn triệu tám trăm năm mươi lăm nghìn bốn trăm lẻ sáu đồng)

7.2 Hoàn lại Công ty Cổ phần F số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.437.046 đồng (Mười hai triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn không trăm bốn mươi sáu đồng) theo biên lại tạm thu án phí số AA/2021/0042711 ngày 30/3/2023 và 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) theo biên lại tạm thu án phí số AA/2023/0019781 ngày 15/6/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Chánh

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên toà hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND KV10;
- THADS KV10;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

2 000009 175202

Đặng Thị Vân Hương